

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

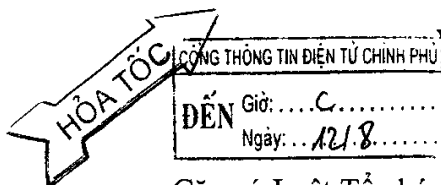
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 1319/QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp **Bằng Tổ quốc ghi công**



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 04/2012/UBTVQH ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 54/TTr-LĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

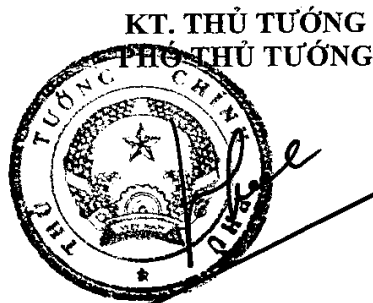
Điều 1. Cấp Bằng Tổ quốc ghi công cho 342 liệt sĩ thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, thành phố Hải Phòng và 10 tỉnh: Thừa Thiên - Huế, Quảng Ninh, Long An, Tiền Giang, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị, Đồng Nai, Thanh Hóa, Hậu Giang (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ LĐ -Thương binh và Xã hội;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Khắc Định, TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), Hùng 10b.



Nguyễn Xuân Phúc



DANH SÁCH
LIỆT SĨ ĐƯỢC CẤP BẰNG “TỔ QUỐC GHI CÔNG”
(Kèm theo Quyết định số: 1319/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2015
của Thủ tướng Chính phủ)

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Liệt sĩ: Nguyễn Đắc Đạm

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 99%), nguyên quán: xã Lăng Ngâm, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 01 năm 2015.

BỘ QUỐC PHÒNG

2. Liệt sĩ: Bùi Văn Liêu

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 6 năm 2013.

3. Liệt sĩ: Cao Hữu Khánh

Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 02 năm 2015.

4. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Nhị

Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hiệp Cát, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 12 năm 2014.

5. Liệt sĩ: Vũ Văn Chung

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 9 năm 2014.

6. Liệt sĩ: Trần Văn Thủy

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 10 năm 2014.

7. Liệt sĩ: Lê Xuân Linh

Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Hùng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 5 năm 2014.

8. Liệt sĩ: Kiều Ngọc Vinh

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 5 năm 2014.

9. Liệt sĩ: Lê Hồng Quân

Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Ngọc, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 01 năm 2015.

10. Liệt sĩ: Đỗ Văn Chính

Thượng tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 01 năm 2015.

11. Liệt sĩ: Trần Văn Đức

Đại tá Quân đội nhân dân, nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 01 năm 2015.

12. Liệt sĩ: Nguyễn Việt Cường

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Sơn Dương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 01 năm 2015.

13. Liệt sĩ: Vũ Văn Cường

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Gia Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 29 tháng 01 năm 2015.

14. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hiệt

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 5 năm 1951.

15. Liệt sĩ: Hoàng Quốc Sùng

Chủ nhiệm hậu cần Trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Thành, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 01 năm 1952.

16. Liệt sĩ: Hoàng Mão

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 01 năm 1952.

17. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Khóm

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 7 năm 1951.

18. Liệt sĩ: Vũ Bột

Chính trị viên Tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 10 năm 1954.

19. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Đạt

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 12 năm 2014.

20. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Suốt

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 7 năm 2013.

TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

21. Liệt sĩ: La Thị Thước

Cán bộ xã Đội, nguyên quán: xã Phú Phong, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 7 năm 1952.

22. Liệt sĩ: Hoàng Viễn (Viết)

Cán bộ cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Vinh Phú, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1947.

TỈNH QUẢNG NINH

23. Liệt sĩ: Trần Văn Loại

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 12 năm 1949.

24. Liệt sĩ: Trần Thị Ghi

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 12 năm 1949.

TỈNH LONG AN

25. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lưu*

Chiến sĩ an ninh, nguyên quán: xã Hưng Điền A, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 01 năm 1979.

26. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thi*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968.

27. Liệt sĩ: Phan Văn Lộc*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 5 năm 1963.

28. Liệt sĩ: Hồ Tấn Sĩ*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 2 năm 1961.

29. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Trừ*

Tiểu đội trưởng Quốc gia tự vệ, nguyên quán: xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 03 năm 1949.

30. Liệt sĩ: Bùi Văn Đồi*

Đội trưởng Thanh niên tiên phong xã, nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 01 năm 1946.

31. Liệt sĩ: Phạm Thị Lành*

Giao liên huyện ủy, nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1968.

32. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Xà*

Ủy viên ban chấp hành tỉnh đoàn Chợ Lớn, nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 01 năm 1959.

33. Liệt sĩ: Thái Văn Chăng*

Cán bộ tuyên huấn xã, nguyên quán: xã Thạnh Lợi, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 11 năm 1930.

34. Liệt sĩ: Trương Văn Quyền*

Đội viên tiên phong xã, nguyên quán: xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 9 năm 1945.

35. Liệt sĩ: Lê Văn Hùng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc , ngày 22 tháng 12 năm 1977.

36. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Chi*

Nhân viên, nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp , năm 1953.

37. Liệt sĩ: Lâm Minh Chiêu*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 03 năm 1963.

38. Liệt sĩ: Võ Văn Rôn*

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1974.

39. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Chót (Hiền)*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước , ngày 08 tháng 5 năm 1964.

40. Liệt sĩ: Đào Kim Hồng*

Trưởng đoàn thanh niên cứu quốc, nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp , ngày 14 tháng 4 năm 1949.

41. Liệt sĩ: Lê Văn Nền*

Thư ký xã, nguyên quán: xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 5 năm 1967.

42. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mười*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Phú Long, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1952.

43. Liệt sĩ: Trần Ngọc Thuận*

Giao liên huyện, nguyên quán: xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp , ngày 02 tháng 5 năm 1952.

44. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hối*

Du kích xã, nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 01 năm 1969.

45. Liệt sĩ: Phan Văn Chánh*

Du kích xã, nguyên quán: xã Thanh Phú Long, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 10 năm 1946.

46. Liệt sĩ: Trần Văn Hiệp*

Trưởng ban tuyên giáo xã, nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 03 năm 1948.

47. Liệt sĩ: Trần Văn Khá*

Trung đội trưởng dân quân tự vệ xã, nguyên quán: xã Long Đức Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 6 năm 1948.

48. Liệt sĩ: Châu Văn Thạnh*

Xã đội phó, nguyên quán: xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 8 năm 1969.

49. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Minh (Tự Thành)*

Ủy viên ban chấp hành công đoàn xã, nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1949.

50. Liệt sĩ: Võ Văn Dành*

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 12 năm 1988.

51. Liệt sĩ: Phạm Văn Thiện*

Thư ký nông dân xã, nguyên quán: xã Khánh Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 9 năm 1949.

52. Liệt sĩ: Cao Văn Oánh*

Trung đội bậc phó, nguyên quán: xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 7 năm 1977.

53. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Châu*

Tổ trưởng tổ bảo vệ an ninh xã, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1964.

54. Liệt sĩ: Trần Văn Quý*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 8 năm 1968.

55. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Sáu*

Chiến sĩ Ban binh vận huyện, nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 10 năm 1966.

56. Liệt sĩ: Dương Văn Leo*

A trưởng du kích xã, nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 01 năm 1967.

57. Liệt sĩ: Trần Thị Xứng*

Cán sự phụ nữ ấp, nguyên quán: xã Hiệp Thạnh, huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 9 năm 1950.

58. Liệt sĩ: Lê Văn Kiêm*

Phó ban công an xã, nguyên quán: xã Long Hậu Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 11 năm 1947.

59. Liệt sĩ: Đỗ Văn Lôi*

Phó ban kiểm soát ấp, nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 4 năm 1952.

60. Liệt sĩ: Bùi Văn Thắng*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phước Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 10 năm 1969.

61. Liệt sĩ: Trần Văn Cua*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 11 năm 1948.

TỈNH TIỀN GIANG

62. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hoài*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1967.

63. Liệt sĩ: Âu Văn Bồi*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Mỹ Thiện, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 02 năm 1967.

64. Liệt sĩ: Võ Văn Bảy*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 01 năm 1969.

65. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quẹo*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 04 năm 1975.

66. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đực*

Xã đội phó, nguyên quán: xã Tân Lý động, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1968.

67. Liệt sĩ: Ngô Văn Na*

Xã đội phó, nguyên quán: xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1967.

68. Liệt sĩ: Trần Văn Muôn*

Du kích xã, nguyên quán: xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1967.

69. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Kiệt*

Cán bộ cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 8 năm 1958.

70. Liệt sĩ: Phan Văn Hòa*

Chỉ huy trưởng đội du kích thị trấn, nguyên quán: xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1972.

71. Liệt sĩ: Lê Văn Bảy*

Đội viên du kích xã, nguyên quán: xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1960.

72. Liệt sĩ: Nguyễn Tài Duy*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1969.

73. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Du*

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 6 năm 1942.

74. Liệt sĩ: Võ Văn Tây*

Cán bộ ấp, nguyên quán: xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1967.

75. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quới*

Cán bộ Nam kỳ khởi nghĩa, nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 12 năm 1940.

76. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Vạng*

Giao liên xã, nguyên quán: xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1962.

77. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bê (Ba)*

Đại đội phó, nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1970.

78. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ưu*

Cán bộ Đoàn thanh niên tỉnh, nguyên quán: xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972.

79. Liệt sĩ: Lê Thị Liễu (Huỳnh Như)*

Cán bộ ban binh vận thành phố, nguyên quán: xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 06 năm 1971.

80. Liệt sĩ: Lê Văn Hiền*

Đội viên du kích xã, nguyên quán: xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 7 năm 1976.

81. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đồng*

Trưởng ban tài chính xã, nguyên quán: xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 03 năm 1971.

82. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Định*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 02 năm 1973.

83. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tỷ*

Trưởng công an ấp, nguyên quán: xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 8 năm 1949.

84. Phạm Văn Thâu*

Y tá, bảo vệ Tỉnh ủy, nguyên quán: xã Thanh Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 10 năm 1968.

85. Liệt sĩ: Bùi Văn Một*

Thiếu úy, nguyên quán : xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 8 năm 1975.

86. Liệt sĩ: Dương Văn Chức*

Cán bộ binh vận khu Trung Nam Bộ, nguyên quán: xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 11 năm 1974.

87. Liệt sĩ: Trần Văn Tám*

Chiến sĩ binh vận thành phố, nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 4 năm 1969.

88. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mười (Anh)*

Chủ tịch xã, nguyên quán: xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 4 năm 1975.

89. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bé*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 02 năm 1963.

90. Liệt sĩ: Mai Thị Thương*

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1975.

91. Liệt sĩ: Phan Văn Đôn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Thạnh Đông, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 12 năm 1963.

92. Liệt sĩ: Lê Đạt Đạo*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân, nguyên quán: xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 02 năm 1947.

93. Liệt sĩ: Lê Văn Lộ*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1954.

94. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mắm*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1966.

95. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Tuân*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1952.

96. Liệt sĩ: Lê Văn Tấn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1962.

97. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tươi*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đông Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1962.

98. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thương*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1970.

99. Liệt sĩ: Lê Văn Phó*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1965.

100. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hoài*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1945.

101. Liệt sĩ: Trần Văn Sánh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 7 năm 1954.

102. Liệt sĩ: Trần Văn Cu*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1964.

103. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hiêm*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Điền, thị xã Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1947.

104. Liệt sĩ: Lê Văn Hai*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Thành, thị xã Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 12 năm 1950.

105. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Phích*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phước Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1962.

106. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ấn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1963.

107. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Liều*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đông Hòa, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1970.

108. Liệt sĩ: Đặng Văn Ngọc*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1962.

109. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thâu*

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1943.

110. Liệt sĩ: Trần Văn Lăng*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1942.

111. Liệt sĩ: Nguyễn Minh Mạnh*

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Vĩnh Hựu, thị xã Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1961.

112. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hựu*

Thanh niên xung phong, nguyên quán: xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1970.

113. Liệt sĩ: Phạm Văn Gân*

Bí thư chi bộ xã, nguyên quán: xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1942.

114. Liệt sĩ: Phạm Văn Phú*

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1942.

115. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sáu*

Cán bộ xã đội, nguyên quán: xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1968.

TỈNH QUẢNG NGÃI

116. Liệt sĩ: Nguyễn Minh Cẩm

Thương binh $\frac{1}{4}$ (83%), nguyên quán: thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 8 năm 2014.

TỈNH QUẢNG BÌNH

117. Liệt sĩ: Đào Hữu Hứa

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Nghĩa Ninh, huyện Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 4 năm 2004.

118. Liệt sĩ: Trương Ngọc Vy*

Công nhân, nguyên quán: xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 11 năm 1967.

119. Liệt sĩ: Lê Gia Tuyển*

Trung đội trưởng dân quân, nguyên quán: xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 01 năm 1966.

120. Liệt sĩ: Võ Văn Lợi*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân, nguyên quán: xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 01 năm 1979.

121. Liệt sĩ: Nguyễn Tuyên*

Công nhân, nguyên quán: xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 11 năm 1967.

122. Liệt sĩ: Phạm Thị Hồng Loan*

Công nhân, nguyên quán: xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 6 năm 1968.

123. Liệt sĩ: Lê Đức Thuận*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân, nguyên quán: xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1974.

124. Liệt sĩ: Mai Xuân Hạch*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân, nguyên quán: xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1965.

125. Liệt sĩ: Đoàn Xuân Quảng*

Công nhân, nguyên quán: xã Đồng Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1971.

126. Liệt sĩ: Bùi Quang Lan*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân, nguyên quán: xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 7 năm 1968.

127. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lương*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân, nguyên quán: xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 12 năm 1980.

128. Liệt sĩ: Lê Đức Thuyền*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân, nguyên quán: xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 03 năm 1980.

129. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Hạnh*

Công nhân, nguyên quán: xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1966.

130. Liệt sĩ: Trương Tấn Xứ*

Dân công, nguyên quán: xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1968.

131. Liệt sĩ: Trần Hữu Thiêng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân, nguyên quán: xã Trường Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1967.

132. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Thanh*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân, nguyên quán: xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1968.

133. Liệt sĩ: Võ Văn Á*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân, nguyên quán : xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1969.

134. Liệt sĩ: Võ Chí Thân

Chiến sĩ Quân đội nhân dân, nguyên quán : xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 9 năm 1988.

135. Liệt sĩ: Trần Văn Đồng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân, nguyên quán : xã Quảng Thủy, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 02 năm 1968.

136. Liệt sĩ: Lê Thị Sen*

Dân công, nguyên quán: xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1965.

137. Liệt sĩ: Hoàng Văn Dũng*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân, nguyên quán: xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1980.

138. Liệt sĩ: Phạm Minh Xuân*

Chiến sĩ quân đội nhân dân, nguyên quán: xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 12 năm 1986.

139. Liệt sĩ: Phạm Hồng Khanh*

Thượng úy Quân đội nhân dân, nguyên quán: xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1968.

140. Liệt sĩ: Võ Ngọc Chúc*

Công nhân, nguyên quán: xã Hoa Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1972.

TỈNH QUẢNG TRỊ

141. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Đoàn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 4 năm 2013.

142. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Kiềm

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 4 năm 2013.

143. Liệt sĩ: Ngô Trọng *

Cơ sở liên lạc, nguyên quán: xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 3 năm 1968.

144. Liệt sĩ: Trương Quang Thọ *

Trợ lý Ban Chỉ huy quân sự huyện, nguyên quán: xã Gio Hải, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, năm 1979.

145. Liệt sĩ: Hồ Thức *

Nhân viên Bưu điện, nguyên quán: xã Linh Thượng, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1966.

146. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bền *

Bí thư nông hội xã, nguyên quán: xã Gio Thành, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 4 năm 1947.

147. Liệt sĩ: Cáp Văn Luyện *

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 5 năm 1984.

148. Liệt sĩ: Nguyễn Đăng Ngọc *

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Hòa, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 11 năm 1980.

149. Liệt sĩ: Cáp Chúc *

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 9 năm 1966.

150. Liệt sĩ: Ngô Lợi *

Dân công, nguyên quán: xã Hải Lâm, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1950.

151. Liệt sĩ: Hồ Sỹ Đệ *

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Dương, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 12 năm 1947.

152. Liệt sĩ: Hoàng Tri *

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Dương, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1946.

153. Liệt sĩ: Lý Thần *

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Thành, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 8 năm 1982.

154. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hoan *

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hải Ba, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 9 năm 1948.

155. Liệt sĩ: Võ Thị Nuôi *

Giao liên huyện, nguyên quán: xã Hải Ba, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1968.

156. Liệt sĩ: Trần Cồ *

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Ba, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 12 năm 1947.

157. Liệt sĩ: Phan Văn Ích *

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1966.

158. Liệt sĩ: Phan Định *

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 7 năm 1982.

159. Liệt sĩ: Lê Nghệ *

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hải Ba, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 11 năm 1953.

160. Liệt sĩ: Hồ Văn Bình *

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1975.

161. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tự *

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 10 năm 1953.

162. Liệt sĩ: Bùi Hiền *

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Triệu Hòa, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1960.

163. Liệt sĩ: Phan Văn Bình *

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Triệu Trung, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 8 năm 1982.

164. Liệt sĩ: Lê Đôn *

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Triệu Trung, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1968.

165. Liệt sĩ: Võ Thuốc *

Giáo viên, nguyên quán: xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 10 năm 1949.

166. Liệt sĩ: Lê Công Trí *

Xã đội phó, nguyên quán: xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 7 năm 1968.

167. Liệt sĩ: Nguyễn Thanh Cử *

Trợ lý Cục Quân nhu, nguyên quán: xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1966.

168. Liệt sĩ: Nguyễn Huy Đồng *

Đội viên dân quân, nguyên quán: xã Trung Giang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1966.

169. Liệt sĩ: Hồ Hữu Mai *

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 11 năm 1979.

170. Liệt sĩ: Lê Văn Thức *

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1972.

171. Liệt sĩ: Nguyễn Cảnh Trà *

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Trung, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 7 năm 1972.

172. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ủy *

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1968.

173. Liệt sĩ: Phạm Quang Kiển *

Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Tiến, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 4 năm 1984.

174. Liệt sĩ: Tạ Quang Thời *

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Nam, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1967.

175. Liệt sĩ: Trần Đức Hùng *

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 3 năm 1982.

176. Liệt sĩ: Trần Đức Tráng *

Giao thông viên Bưu điện tỉnh, nguyên quán: xã Vĩnh Nam, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 6 năm 1966.

177. Liệt sĩ: Trần Công Quang *

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 12 năm 1972.

178. Liệt sĩ: Trần Văn Quyết *

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 6 năm 1982.

179. Liệt sĩ: Võ Minh Hộng *

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 8 năm 1982.

180. Liệt sĩ: Trần Đức Duệ *

Giao liên Ban Thống nhất Trung ương, nguyên quán: xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1958.

181. Liệt sĩ: Lưu Văn Chiến *

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 6 năm 1987.

182. Liệt sĩ: Trần Thị Soát *

Giao liên xã đội, nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 5 năm 1969.

183. Liệt sĩ: Lê Hai (Suyền) *

Giao liên Bưu điện tỉnh, nguyên quán: phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1965.

184. Liệt sĩ: Trần Văn Các *

Xã đội phó, nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 5 năm 1954.

TỈNH ĐỒNG NAI

185. Liệt sĩ: Huỳnh Xuân Phan *

Bí thư xã, nguyên quán: ấp Tân Triều, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, năm 1942.

186. Liệt sĩ: Phú Văn Đây *

Tự vệ xã, nguyên quán: xã Tân Triều, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 7 năm 1948.

187. Liệt sĩ: Võ Văn Hậu *

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 6 năm 1949.

188. Liệt sĩ: Lê Thị Thu *

Cán bộ Binh vận huyện, nguyên quán: xã Lợi Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1972.

189. Liệt sĩ: Nguyễn Đông Hải *

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: Phong Thanh, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 01 năm 1948.

190. Liệt sĩ: Hồ Văn Đức *

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1971.

191. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sang *

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: Hòa Hội, Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1971.

192. Liệt sĩ: Trần Văn Thiệt *

Cơ sở an ninh mật, nguyên quán: xã Xuân Bình, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1948.

193. Liệt sĩ: Lê Văn Được *

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1970.

194. Liệt sĩ: Mai Thị Tỳ (Mai Ngọc Ánh) *

Giao liên huyện, nguyên quán: xã An Hòa, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1969.

195. Liệt sĩ: Trần Văn Tuyển *

Cán bộ nghiệp đoàn, nguyên quán: xã Yên Lăng, huyện Phúc Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 02 năm 1947.

196. Liệt sĩ: Đoàn Thị Thanh Hiền *

Xã đội phó, nguyên quán: xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 5 năm 1968.

197. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Thiện *

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, trú quán: xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 12 năm 1947.

198. Liệt sĩ: Nguyễn Minh Thoại *

Cơ sở mật, nguyên quán: xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 02 năm 1965.

199. Liệt sĩ: Đặng Đức Bình *

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1948.

200. Liệt sĩ: Thổ Nhuội *

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hàng Gòn, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969.

201. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Củng *

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nam Trung, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968.

202. Liệt sĩ: Đào Văn Nhân *

Nhân viên bảo vệ tỉnh ủy, nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1970.

203. Liệt sĩ: Bùi Văn Bình *

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 5 năm 1987.

204. Liệt sĩ: Trần Văn Yên (Thành) *

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1968.

205. Liệt sĩ: Phạm Thị Mai *

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 8 năm 1970.

TỈNH THANH HÓA

206. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Nga

Giáo viên, nguyên quán: phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972.

207. Liệt sĩ: Phạm Ngọc Đài

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1999.

208. Liệt sĩ: Chu Văn Thọ

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hoàng Đông, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 3 năm 2007.

209. Liệt sĩ: Chu Tiến Luận

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Hoàng Đông, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 5 năm 2008.

210. Liệt sĩ: Trần Quốc Vy

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 9 năm 2013.

211. Liệt sĩ: Phan Đình Châu

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Bình An, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 2014.

212. Liệt sĩ: Lê Duy Luận

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 93%), nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 06 tháng 11 năm 2005.

213. Liệt sĩ: Trương Xuân Hòa

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 4 năm 2013.

TỈNH HẬU GIANG

214. Liệt sĩ: Phạm Văn Chữ*

Cán bộ binh vận, nguyên quán: xã Vị Thanh, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 01 năm 1968.

215. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Minh*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Lự, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 6 năm 1968

216. Liệt sĩ: Lê Văn Thiệt*

Tổ trưởng du kích, nguyên quán: xã Vị Tân, huyện Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1959.

217. Liệt sĩ: Phan Văn Nghĩa*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Lự, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1966.

218. Liệt sĩ: Đào Văn Bé*

Đại đội trưởng Tây đô I, nguyên quán: xã Vị Thanh, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1972.

219. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Tâm*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Lự, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 7 năm 1967.

220. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đáo*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 03 năm 1962.

221. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Rạng*

Tiểu đội trưởng du kích, nguyên quán: thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 12 năm 1948.

222. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Huy*

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Tường, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 02 năm 1979.

223. Liệt sĩ: Trần Thị Oanh*

Tiểu đội trưởng Hậu cần tỉnh Cần Thơ, nguyên quán: xã Vị Thủy, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1968.

224. Liệt sĩ: Trần Thị Thủy*

Chiến sĩ Ban Chính trị Cần Thơ, nguyên quán: xã Vĩnh Tường, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1973.

225. Liệt sĩ: Lê Văn Nhu*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Tường, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1964.

226. Liệt sĩ: Ngô Thị Thứ*

Công dân xã Vị Thanh, nguyên quán: xã Vị Thanh, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 02 năm 1957.

227. Liệt sĩ: Lê Hoàng Minh*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vị Thanh, huyện Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1967.

228. Liệt sĩ: Phan Văn Lựu*

Trung sĩ Địa phương quân Long Mỹ, nguyên quán: xã Vĩnh Tường, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1967.

229. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hiệp*

Xã đội trưởng, trú quán: xã Vĩnh Tường, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1962.

230. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Xinh*

Đội phó du kích, nguyên quán: xã Vị Thủy, huyện Long Mỹ tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 8 năm 1950.

231. Liệt sĩ: Vũ Hùng Sơn*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: huyện Gò Guao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1963.

232. Liệt sĩ: Hứa Văn Nhựt*

Tiểu đội trưởng Tây đô III, nguyên quán: xã Vị Thanh, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 10 năm 1969.

233. Liệt sĩ: Đặng Văn Mẫn*

Đội viên du kích, nguyên quán: huyện Gò Guao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972.

234. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Nờ*

Phó ban chấp hành phụ nữ, nguyên quán: xã Vị Thanh, huyện Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1968.

235. Liệt sĩ: Nguyễn Hòa Sa*

Y tá, nguyên quán : xã Đông An, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 12 năm 1986.

236. Liệt sĩ: Phạm Văn Bồi*

A phó Giao bưu, nguyên quán: xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970.

237. Liệt sĩ: Phạm Văn Đen*

Tiểu đoàn phó Tây Đô I, nguyên quán: xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 01 năm 1970.

238. Liệt sĩ: Phạm Văn Biện*

Tiểu đội trưởng dân quân, nguyên quán: xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 1 năm 1948.

239. Liệt sĩ: Võ Văn Ngọ*

Áp đội phó, nguyên quán: xã Phú Hữu, huyện châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 03 năm 1971.

240. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Soản*

B trưởng Tây Đô I, nguyên quán: xã Tân Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1962.

241. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Liêm*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 5 năm 1983.

242. Liệt sĩ: Lưu Văn Ngẫu*

Đội viên du kích, nguyên quán: huyện Long Tuyền, thành phố Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1962.

243. Liệt sĩ: Phan Văn Thiệt*

Tiểu đội trưởng Trinh sát quân báo, nguyên quán: xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 01 năm 1970.

244. Liệt sĩ: Đặng Văn Răng*

Tiểu đội trưởng Trinh sát đặc công, nguyên quán: xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 01 năm 1968.

245. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nghĩa*

Đội trưởng du kích, nguyên quán: xã Trường Long, huyện Châu Thành, thành phố Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1966.

246. Liệt sĩ: Đặng Văn Hương*

Cán bộ kinh tài huyện Châu Thành, nguyên quán: xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 02 năm 1962.

247. Liệt sĩ: Dương Văn Chín*

Trung đội phó địa phương quân Tân Hiệp, Kiên Giang, nguyên quán: xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1968.

248. Liệt sĩ: Võ Văn Thuyền*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 10 năm 1950.

249. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hồ*

Tiểu đội phó Tây Đô, nguyên quán: xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 12 năm 1966.

250. Liệt sĩ: Đặng Văn Đực*

Cán bộ Ban giao bưu vận, nguyên quán: xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1965.

251. Liệt sĩ: Phan Văn Long*

Áp đội trưởng, nguyên quán: xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1967.

252. Liệt sĩ: Đặng Văn Chiêu*

Thượng sĩ Địa phương quân Châu Thành, Hậu Giang, nguyên quán: xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1968.

253. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Ky*

Tiểu đội trưởng Ban công an xã, nguyên quán: xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1969.

254. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tùng*

TRưởng ban cán sự nông hội ấp, nguyên quán: xã Đông An, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 01 năm 1963.

255. Liệt sĩ: Đoàn Thanh Phong*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 6 năm 1962.

256. Liệt sĩ: Lý Đồng Đại*

Trung sĩ Tiểu đoàn Tây Đô, nguyên quán: xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1950.

257. Liệt sĩ : Phan Văn Thiện*

Trưởng ban kinh tài, nguyên quán: xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 03 năm 1970.

258. Liệt sĩ: Lâm Phước Loan*

Trung úy trinh sát tinh đội, nguyên quán: xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 4 năm 1975.

259. Liệt sĩ: Trần Văn Muối*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 01 năm 1975.

260. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thành*

Nhân viên quân báo, nguyên quán: xã Nhơn Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1959.

261. Liệt sĩ: Trương Văn Hót*

Nhân viên bảo vệ, nguyên quán: xã Nhơn Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 01 năm 1972.

262. Liệt sĩ: Lê Văn Tân*

Trung đội trưởng dân quân tự vệ, nguyên quán: xã Thạnh Xuân, huyện Châu thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1962.

263. Liệt sĩ: Đinh Văn Huệ*

Thượng sĩ Tây Đô I, nguyên quán: xã Đại Thành, huyện Phụng Hiệp, thành phố Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1967.

264. Liệt sĩ: Hồ Minh Bửu*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đại Thành, huyện Phụng Hiệp, thành phố Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 8 năm 1965.

265. Liệt sĩ: Văn Công Tệ*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đại Thành, huyện Phụng Hiệp, thành phố Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 1 năm 1968.

266. Liệt sĩ: Trần Văn Dồi*

Áp đội trưởng, nguyên quán: xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, thành phố Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972.

267. Liệt sĩ: Tô Hữu Nam*

Cán bộ công an huyện, nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1965.

268. Liệt sĩ: Phan Văn Thê*

Áp đội trưởng, nguyên quán: xã Đại Thành, huyện Phụng Hiệp, thành phố Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1967.

269. Liệt sĩ: Bùi Văn Bé*

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1966.

270. Liệt sĩ: Phạm Văn Lắm*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 6 năm 1955.

271. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tú*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 9 năm 1960.

272. Liệt sĩ: Lê Hoàng Giang*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Tân, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 02 năm 1985.

273. Liệt sĩ: Lê Văn Chôn*

Cơ sở ấp, nguyên quán: xã Long Phú, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1969.

274. Liệt sĩ: Dương Văn Hòa*

Tiểu đội trưởng địa phương quân huyện Long Mỹ, nguyên quán: xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 03 năm 1977.

275. Liệt sĩ: Nguyễn Thanh Hồng*

Y tá, Tiểu đội trưởng, nguyên quán: xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1972.

276. Liệt sĩ: Hồ Văn Hoa*

Dân công hỏa tuyến, nguyên quán: huyện Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1961.

277. Liệt sĩ: Hồ Văn Năm*

Chiến sĩ địa phương quân huyện Long Mỹ, nguyên quán: xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1959.

278. Liệt sĩ: Hồ Văn Thùy*

Cán bộ giáo dục xã, nguyên quán: xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1967.

279. Liệt sĩ: Lê Văn Sinh*

Trung đội trưởng Tiểu đoàn Tây Đô I, nguyên quán: xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1971.

280. Liệt sĩ: Trịnh Thanh Tâm*

Chiến sĩ đội bảo vệ tỉnh ủy Hậu Giang, nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 4 năm 1965.

281. Liệt sĩ: Trần Văn Mến*

Trung đội phó công an huyện Long Mỹ, nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1969.

282. Liệt sĩ: Cao Thị Bé*

Tổ trưởng tổ giao bưu, nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 01 năm 1968.

283. Liệt sĩ: TRương Văn Cọp*

Thượng úy địa phương quân Long Mỹ, nguyên quán: xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 01 năm 1972.

284. Liệt sĩ: Nguyễn Thanh Liêm*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1966.

285. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Chà*

Trưởng ban văn nghệ, nguyên quán: huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 5 năm 1968.

286. Liệt sĩ: Võ Văn Đạt*

Trung đội trưởng phòng thủ tỉnh ủy Cần Thơ, nguyên quán: xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1973.

287. Liệt sĩ: Bùi Tiến Mạnh*

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 6 năm 1975.

288. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sao*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 03 năm 1961.

289. Liệt sĩ: Thái Văn Múa*

Trung sĩ hậu cần tinh đội Cần Thơ, nguyên quán: xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 03 năm 1969.

290. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Phú*

Thiếu úy Tây Đô I, nguyên quán: xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1965.

291. Liệt sĩ: Bùi Thị Phước*

Nhân viên giao bưu, nguyên quán: xã Long Trị, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 4 năm 1969.

292. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Chánh*

Tổ trưởng nông hội ấp, nguyên quán: xã Long Trị, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 03 năm 1963.

293. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Động*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Trị, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 12 năm 1983.

294. Liệt sĩ: Đỗ Văn Cẩn*

Áp đội trưởng, nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1969.

295. Liệt sĩ: Trần Văn Bảo*

Trưởng công an xã, nguyên quán: xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972.

296. Liệt sĩ: Nguyễn Thành Phi*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 01 năm 1984.

297. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lập*

Tổ trưởng an ninh xã, nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1971.

298. Liệt sĩ: Đặng Thanh Tuấn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 10 năm 1982.

299. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lũy*

Du kích, nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 8 năm 1969.

300. Liệt sĩ: Trần Văn Ngộ*

Trung sĩ địa phương quân Kế Sách, nguyên quán: xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1974.

301. Liệt sĩ: Đặng Văn Mến*

Trung sĩ tiểu đoàn Tây Đô, nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 8 năm 1969.

302. Liệt sĩ: Đặng Văn Quang*

Hạ sĩ Tây Đô I, nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 4 năm 1964.

303. Liệt sĩ: Lê Văn Lực*

B phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 12 năm 1970.

304. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bé*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1970.

305. Liệt sĩ: Bùi Văn Tám*

Cán bộ giao liên huyện, nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1969.

306. Liệt sĩ: Trần Văn Dân*

Ban tiếp tế xã Tân Bình, nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 03 năm 1948.

307. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mỹ*

Phó bí thư xã, nguyên quán: xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 9 năm 1967.

308. Liệt sĩ: Nguyễn Thành Long*

Cán bộ ban chỉ huy Quốc gia tự vệ, nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 02 năm 1946.

309. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hải*

Trung sĩ vệ binh tỉnh đội, nguyên quán: xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1972.

310. Liệt sĩ: Đặng Văn Sơn*

Đại đội phó Tây Đô I, nguyên quán: xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1964.

311. Liệt sĩ: Đặng Văn Tơ*

Phó ban binh vận xã, nguyên quán: xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1964.

312. Liệt sĩ: Trương Văn Chánh*

Tổ trưởng đội an ninh vũ trang, nguyên quán: xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1970.

313. Liệt sĩ: Phan Văn Bảy*

Áp đội trưởng, nguyên quán: xã Đông An, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 02 năm 1969.

314. Liệt sĩ: Dương Văn Điền*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1969.

315. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cồ*

Du kích, nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 03 năm 1970.

316. Liệt sĩ: Lê Hoàng Châu*

A trưởng giao bưu, nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1965.

317. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đẹt*

Tiểu đội phó giao bưu, nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972.

318. Liệt sĩ: Hồ Hải Lượng*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 03 năm 1948.

319. Liệt sĩ: Trần Văn Có*

Cán bộ xã đội, nguyên quán: xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1954.

320. Liệt sĩ: Nhan Văn Phiên*

Du kích xã, nguyên quán: xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 7 năm 1963.

321. Liệt sĩ: Nguyễn Thanh Xuân*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 4 năm 1944.

322. Liệt sĩ: Bùi Văn Hữu*

Triều đội trưởng Tây Đô I, nguyên quán: xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 03 năm 1963.

323. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Ngử*

Du kích xã, nguyên quán: xã Phụng Hiệp, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 4 năm 1961.

324. Liệt sĩ: Võ Văn Thạnh*

Xã đội phó, nguyên quán: xã Phụng Hiệp huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 02 năm 1968.

325. Liệt sĩ: Nguyễn Út Danh*

Trình sát bộ binh, nguyên quán: xã Phụng Hiệp huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 11 năm 1967.

326. Liệt sĩ: Trần Văn Mau*

Trung đội trưởng công binh tỉnh, nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1968.

327. Liệt sĩ: Trần Hữu Vận*

Ủy viên ban binh vận xã, nguyên quán: xã Phụng Hiệp, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 01 năm 1964.

328. Liệt sĩ: Huỳnh Hữu Chiến*

Đảng viên ban binh vận, nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 03 năm 1970.

329. Liệt sĩ: Phạm Văn Tiến*

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 6 năm 1969.

330. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Năng*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vị Thanh, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 9 năm 1976.

331. Liệt sĩ: Đoàn Văn Sóc*

Đội an ninh xã, nguyên quán: xã Tân Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 02 năm 1975.

332. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nghiêm*

Chiến sĩ Nông trường Quyết Thắng, nguyên quán: xã Vĩnh Tường huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 03 năm 1978.

333. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Kim Hai*

Trung đội phó Thanh niên xung phong, nguyên quán: xã Đại Thành, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1969.

334. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Kiệt*

Y tế xã, nguyên quán: xã Phụng Hiệp, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 01 năm 1968.

335. Liệt sĩ: Dương Văn Giảng*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Longm huyện Thanh Trị, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 10 năm 1982.

336. Liệt sĩ: Nguyễn Thành Hân*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 11 năm 1984.

337. Liệt sĩ: Phan Văn Ân*

Chi ủy viên Ban chấp hành nông hội, nguyên quán: huyện Tam Bình, tỉnh Cửu Long (nay Vĩnh Long), đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1967.

338. Liệt sĩ: Phạm Hòa Bình*

Ủy viên mặt trận giải phóng xã, nguyên quán: xã Vị Thắng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1968.

339. Liệt sĩ: Trần Bình Xia*

Kiểm soát ấp, nguyên quán: xã Lai Hòa, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 6 năm 1947.

340. Liệt sĩ: Hà Văn Quận *

Nhân viên ban binh vận, nguyên quán: xã Đại Thành, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 04 năm 1972.

341. Liệt sĩ: Trịnh Thành Công*

Dân công, nguyên quán: xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1970.

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

342. Liệt sĩ: Ngô Văn Đám

Du kích xã, nguyên quán: xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 01 năm 1949./.

* Liệt sĩ có thân nhân đã được giải quyết chế độ trước ngày 01/01/1995.